

MỘT SỐ HOẠT ĐỘNG TÔN GIÁO CỦA NGƯỜI KHƠ-ME Ở VÙNG BIÊN GIỚI HUYỆN TỊNH BIÊN, TỈNH AN GIANG VÀ VẤN ĐỀ ĐẶT RA

TS. Trần Thị Hồng Yến

Viện Dân tộc học

Email: tranchucyen@yahoo.com

Tóm tắt: Người Khơ-me ở Việt Nam có mối quan hệ lâu đời với người Khơ-me ở Campuchia trên các phương diện đồng tộc, đồng tôn giáo, đồng văn hóa. Vì vậy, các hoạt động kinh tế, văn hóa, xã hội xuyên biên giới giữa hai nước của tộc người này vẫn thường xuyên diễn ra. Với chính sách tự do tín ngưỡng, tôn giáo của Đảng và Nhà nước ta, gần đây các hoạt động tôn giáo xuyên biên giới Việt Nam - Campuchia ngày càng gia tăng dưới các hình thức đi cúng lễ với làm phước, du học về tôn giáo, nhận tài trợ, ... Các hoạt động đó diễn ra thông qua hệ thống chùa của hai nước ở vùng biên giới. Bài viết này đề cập đến một số hoạt động tôn giáo xuyên biên giới của người Khơ-me Việt Nam tại huyện Tịnh Biên tỉnh An Giang, thể hiện qua các lễ hội Sen Dolta, Kathina và việc du học về tôn giáo.

Từ khóa: Người Khơ-me, hoạt động tôn giáo, biên giới, huyện Tịnh Biên.

Abstract: The Khmer in Vietnam have had a long-standing relationship with their ethnic counterpart in Cambodia in terms of shared ethnicity, religion and culture, which leads regular cross-border economic, cultural and social activities. The policy on Freedom of belief and religion has provided the condition for the recent thriving of cross-border religious activities between Vietnam and Cambodia in the form of worshipping and doing meritorious deeds, studying religion abroad, receiving funding, etc. These activities take place through the temple system of the two countries in the border area. This article mentions a number of cross-border religious activities of the Vietnam Khmer in Tinh Bien district, An Giang province, using the cases of the Sen Dolta and Kathina festivals and the study of religion abroad.

Keywords: Khmer people, religious activities, border, Tinh Bien district.

Ngày nhận bài: 24/8/2021; ngày gửi phản biện: 30/8/2021; ngày duyệt đăng: 9/10/2021.

Mở đầu

Người Khơ-me ở Việt Nam cư trú hầu hết tại vùng Tây Nam Bộ với khoảng 1,3 triệu người, tập trung ở các tỉnh Sóc Trăng, Trà Vinh, Kiên Giang, An Giang, Hậu Giang, Bạc Liêu, Cà Mau, Vĩnh Long, thành phố Cần Thơ. Đây là vùng đất có vị trí chiến lược về địa

chính trị và an ninh quốc phòng. Người Khơ-me ở Việt Nam có mối quan hệ lâu đời với người Khơ-me ở Campuchia trên các phương diện đồng tộc, đồng tôn giáo và đồng văn hóa. Mối quan hệ đó đến nay vẫn duy trì, phát huy thông qua việc các nhà sư, phật tử của Phật giáo Nam tông Khơ-me ở Việt Nam thường xuyên qua lại Campuchia để thăm thân, du học, du lịch, chữa bệnh,... Gần đây, ở vùng biên giới giữa hai nước phát triển mạnh một số hoạt động kinh tế như buôn bán trâu bò qua dòng kênh Vĩnh Tế, trao đổi hàng hóa tiêu dùng thông qua các cửa hàng đại lý, chợ vùng biên, thuê hoặc mua đất ruộng ở Campuchia để làm nông nghiệp, đánh bắt cá trên sông, kênh rạch,... Đặc biệt, với chính sách tự do tín ngưỡng, tôn giáo của Đảng và Nhà nước ta, các hoạt động tôn giáo xuyên biên giới vẫn diễn ra thường xuyên dưới nhiều hình thức như đi cúng lễ gắn với làm phước¹, du học tôn giáo, nhận tài trợ kinh sách,... thông qua hệ thống các chùa Phật giáo Nam tông của hai nước ở vùng biên giới.

1. Một số hoạt động tôn giáo xuyên biên giới của người Khơ-me

1.1. Tín đồ Phật giáo Nam tông hai nước qua lại biên giới vào các dịp lễ hội

Thường ngày, người Khơ-me chăm lo sản xuất, mọi sinh hoạt diễn ra trong gia đình. Họ chủ yếu đến chùa vào các ngày mùng 5, 8, 15, 23, 30 (âm lịch). Song, cuộc sống của phum/sóc trở nên sôi động mỗi khi đến dịp lễ hội. Người Khơ-me có nhiều lễ hội như: Tết *Chol Chnam Thmay* (Tết năm mới), Lễ *Sen Dolta* (Lễ cúng tổ tiên), Lễ *Ok om bok* (Lễ cúng trăng), Lễ *Kathina* (Lễ Dâng y). Trong đó, Lễ Dâng y là một trong các lễ hội của Phật giáo Nam tông, còn lại là lễ hội truyền thống của người Khơ-me gắn với Phật giáo Nam Tông.

Lễ *Sen Dolta* diễn ra trong 3 ngày (từ 29/8 đến 1/9 âm lịch). Trước đó 12 ngày, các phật tử đã đi chùa làm một số hoạt động cúng bái và làm phước. Đây là dịp lễ thể hiện lòng hiếu thảo của con cháu đối với tổ tiên, ông bà, cha mẹ, người có công với phum/sóc đã mất và với ông bà, cha mẹ đang còn sống. Họ nấu những món ăn ngon, sắm những bộ quần áo đẹp và đôi chút tiền bạc để thành kính dâng lên các bậc sinh thành. Ngày đầu tiên của dịp lễ, bà con Khơ-me mang cơm, bún, cháo... lên chùa dâng cho các vị sư đọc kinh hồi hướng đến vong linh những người thân đã khuất để họ nhận được phước báu, đồ ăn, nước uống, quần áo,... Bên cạnh đó, trong suốt 12 ngày trước khi diễn ra lễ hội và 2 ngày đầu của lễ hội chính, vào khoảng 4 giờ sáng, bà con phật tử nấu xôi nếp với đậu xanh, viên thành các viên nhỏ đặt quanh chánh điện chùa để nhà sư tụng kinh cho những vong linh không người thân thích cũng có thể nhận được thức ăn, không phải đói khát. Trong đó, những làn điệu múa hát truyền thống của người Khơ-me, các trò chơi dân gian, hội đua bò được tổ chức tại chùa. Chùa trở thành trung tâm sinh hoạt văn hóa, tôn giáo của phum/sóc.

¹ Theo quan niệm của người Khơ-me, làm phước nghĩa là đi cúng lễ gắn với công đức cho chùa (hiện vật, tiền bạc, công sức...), bởi theo họ đem của cải cúng chùa, dâng cho các sư một phần thì sẽ được hưởng phước gấp nhiều lần. Vì vậy, họ không dùng từ “làm từ thiện” cho chùa và cho rằng “làm từ thiện” là việc vị sư cả chùa đứng lên kêu gọi các mạnh thường quân giúp đỡ người nghèo, hoặc các cá nhân, cộng đồng giúp đỡ người khó khăn.

Kathina là đại lễ lớn và duy nhất của Phật giáo Nam tông còn duy trì từ thời Đức Phật tại thế đến nay, được tổ chức sau khi kết thúc 3 tháng an cư kiết hạ; kéo dài một tháng, từ ngày 15/9 đến 15/10 (âm lịch) nhằm cầu cho mưa thuận gió hòa, phum/sóc ấm no, các gia đình bình an, hạnh phúc. Đây cũng là dịp để mỗi phật tử cúng dường cho chùa, dâng lên các nhà sư mong được hưởng phước; còn nhà sư sau khi nhận được vật phẩm từ các phật tử sẽ viên mãn trong quá trình tu hành. Theo đó, phật tử dâng lên các vị chư tăng những đồ dùng thiết yếu như: áo cà sa, bình bát để sư khát thực, vở viết, bàn, ghế..., trong đó áo cà sa là không thể thiếu.

Lễ hội của người Khơ-me tuy diễn ra với thời gian dài (*Sen Dolta* 15 ngày; *Kathina* 1 tháng), nhưng tại các chùa lễ chính chỉ tổ chức vài ngày nên phật tử đều có thể tham gia lễ hội ở nhiều chùa tại Việt Nam và Campuchia. Qua tư liệu điền dã cho thấy, hệ thống chùa Nam tông ở biên giới nơi người Khơ-me hai nước thường đến cúng vào các dịp lễ hội là: Tà Ngáo (Poothivongtrás), Thốt Nốt (Thnoth), Ba Soài (Om Pev Xoài), Cô Đơn, Mỹ Á (Pro Lai Meás), Thmit (Thom Mã Ni Mith)... (huyện Tịnh Biên); chùa Srô Lôn, Prô Thi Les (huyện Tri Tôn); chùa Chăc Sdao, Sreymeangkolsakor (huyện Châu Thành); chùa Đom Tro Séc, Prêng Phka, Đom Đôn, Kro Pum Chhuốc, Wat On, Ton Lấp, Phnum Đen... (ở Campuchia). Các phật tử ở Tịnh Biên còn đi lễ, làm phước tại các chùa Nam tông khác ở các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long như Trà Vinh, Sóc Trăng, Cần Thơ, Cà Mau,... Ngược lại, phật tử ở các địa phương trên cũng đến các chùa của huyện Tịnh Biên để cúng lễ, làm phước.

Dịp lễ hội, dòng người từ Campuchia đến các chùa ở Việt Nam và ngược lại diễn ra liên tục suốt thời gian lễ như Tết *Chol Chnam Thmay* (3 ngày), *Sen Dolta* (3 ngày chính, 12 ngày trước lễ hội), *Kathina* (1 tháng). Cụ thể ở Lễ *Sen Dolta*, tại các chùa Tà Ngáo, Mỹ Á, Thmit... ở huyện Tịnh Biên, không chỉ người dân trong phum/sóc mà cả người thân của họ từ các địa phương khác của Việt Nam và Campuchia đều về chùa để cúng lễ. Tại chùa Tà Ngáo, theo ước tính của trưởng ấp Phú Tâm, dịp *Sen Dolta* có khoảng 300 người Khơ-me từ các tỉnh miền Tây Nam Bộ và 100 người từ Campuchia về tham dự. Song, quan sát thực tế cho thấy, dịp lễ này số người Khơ-me từ Campuchia sang Việt Nam rất đông, chỉ trong ngày lễ chính đã có khoảng 100 người Khơ-me Campuchia tới cúng lễ. Một vị achar của chùa Tà Ngáo cũng đã xác định số người Khơ-me Campuchia tới cúng lễ như vậy và cho biết thêm: “*Mình coi phật tử bên kia (Campuchia) cũng là phật tử của chùa này vì bố mẹ của họ để xương cốt ở đây. Trong dịp lễ Sen Dolta họ sang đây nhiều lắm, sang cả trăm (người) luôn, còn mình (người dân trong sóc) chỉ có 2 - 3 chục người, chủ yếu là người già, trẻ em vì những người trẻ đã rời quê lên Thành phố Hồ Chí Minh và đến các khu công nghiệp để kiếm việc làm*” (PV achar chùa Tà Ngáo, tháng 10/2018).

Vào dịp *Kathina*, số người Khơ-me qua lại biên giới hai nước đông hơn rất nhiều so với dịp *Sen Dolta*. Trong ngày lễ chính ở chùa Tà Ngáo, ước tính có khoảng hơn 2.000 lượt người Khơ-me từ Campuchia sang tham dự (PV achar chùa Tà Ngáo, tháng 10/2018). Ngược lại, cũng có rất đông gia đình, phật tử người Khơ-me ở Việt Nam đi cúng lễ và làm từ

thiện ở Campuchia. Một số phật tử ở chùa Tà Ngáo, Thốt Nốt và Mỹ Á cho biết, trung bình một người sang Campuchia 2 lần/năm, nhưng cũng có trường hợp sang đó hàng chục lần/năm, chủ yếu đi vào các dịp lễ hội. Theo một phụ nữ trẻ ở sóc Tà Ngáo, nhà chị có 6 người họ hàng (gồm bà nội và các bác) hiện sinh sống và làm ruộng ở Campuchia. Bố mẹ chị là người Khor-me Campuchia nhưng sinh sống ở Việt Nam cùng con cháu và tham gia Ban quản trị chùa tại Việt Nam, nên bố mẹ thường sang Campuchia khi có đám tang, giỗ và lễ hội của Phật giáo Nam tông. Đặc biệt, từ khi ông nội của chị ở bên Campuchia chết, bố chị đi lại thường xuyên hơn giữa hai nước. Ngược lại, bà nội và các bác ở đó cũng nhiều lần về Việt Nam vào các dịp lễ hội. Chị cho biết: *“Vào dịp Sen Dolta, mọi người đều đem xôi, cơm ra chùa mỗi ngày, đủ 15 ngày, lễ xong thì ăn trưa. Buổi sáng, trưa, các phật tử đều mang cơm ra chùa cho các vị sư dùng. Ngày cuối cùng của Sen Dolta tổ chức cúng ở nhà; họ hàng, anh em tụ tập ăn cơm rất vui”*. Tương tự, một số gia đình ở các sóc Chon Cô, Pray Tô Tung, Pô Thi... cũng cho biết, họ có bà con ở Campuchia và thường xuyên qua lại bên đó để thăm thân và đi lễ chùa; ngược lại, bà con họ hàng ở bên Campuchia cũng sang Việt Nam để cúng lễ vào các dịp lễ hội của Phật giáo Nam tông.

Phương tiện qua lại giữa hai nước Việt Nam - Campuchia được người Khor-me Việt Nam và Khor-me Campuchia ưa chuộng là đi bằng thuyền trên dòng kênh Vĩnh Tế vào mùa nước nổi từ tháng 5 đến tháng 9 (âm lịch). Những chiếc thuyền to có thể chở 20 - 30 người, những thuyền nhỏ chỉ chở 4 - 5 người. Bằng cách này, phật tử đi đến các chùa ở biên giới của hai nước trong khoảng 1 tiếng. Các dịp không phải mùa nước nổi, họ đi bằng xe máy hoặc thuê ô tô, thời gian đi mất khoảng 30 phút. Đi thuyền theo kênh Vĩnh Tế là lựa chọn ưu tiên của các phật tử, bởi giúp họ chủ động về thời gian di chuyển, lại không phải xuất trình giấy tờ thông hành, trong khi đi bằng đường bộ phải có hộ chiếu hoặc chứng minh thư và liên quan đến nhiều thủ tục pháp lý, tiền nộp phí qua cửa khẩu.

Khi đến Campuchia, phật tử của Việt Nam được các chùa ở đó đón tiếp nhiệt tình và họ có thể ở lại trong chùa hoặc nhà người thân từ một đến vài ngày trước khi trở về Việt Nam. Tại các chùa ở Campuchia, nhà sư của hai nước thường cùng thực hành nghi lễ tôn giáo, bởi theo họ việc làm lễ chung sẽ có tác dụng tốt hơn. Theo nhận định của một số nhà sư và achar ở huyện Tịnh Biên, chùa bên Campuchia rất to và đẹp, phật tử đến chùa cũng đông hơn so với các chùa Việt Nam, bởi lớp trẻ Khor-me Việt Nam ít đến chùa do đi làm ăn xa.

1.2. Hoạt động làm phước vào các dịp lễ hội tại vùng biên giới hai nước

Theo Phật giáo Nam tông Khor-me, sự sãi và bách tính có quan hệ khăng khít nên hoạt động từ thiện của nhà chùa cần thường xuyên và có ý nghĩa cứu nhân độ thế, do đó việc làm từ thiện luôn được coi là một trong những công tác phật sự trọng tâm, được các chư tăng, thành viên Ban quản trị của chùa coi trọng. Với các phật tử, họ chăm chỉ làm việc suốt năm không chỉ để mưu sinh mà còn có mục đích cúng chùa, thăm nuôi các sư, xây dựng và sửa chữa chùa với ước mong hưởng phước lớn. Vậy tại sao người Khor-me lại tập trung chăm lo

cho ngôi chùa của phum/sóc? Trước hết bởi ngôi chùa là trung tâm sinh hoạt của cộng đồng, “nhà văn hóa” của phum/sóc. Các hoạt động lễ, tết trong năm của người Khơ-me đều diễn ra tại chùa. Chùa cũng là nơi người dân tập trung để bàn bạc các công việc chung của phum/sóc. Ngoài ra, nhiều chùa còn mở lớp học cho các nhà sư, tổ chức sinh hoạt hè, dạy học thêm cho trẻ em trong phum/sóc; là nơi tu tập dạy nhân cách cho các em nam giới đến tuổi trưởng thành. Nhưng quan trọng hơn, nhà chùa và các sư gắn bó thiết thân với đời sống mỗi người dân từ khi sinh ra đến khi mất đi. Chùa là nơi để tro cốt của người thân, dòng tộc, người Khơ-me không sợ nghèo đói, chỉ sợ khi chết không được hỏa thiêu để đem tro vào chùa ở cùng Đức Phật. Họ không lo nghĩ nhiều cho cuộc sống hiện tại, chỉ lo làm việc có tiền để công đức xây dựng chùa khang trang, sạch đẹp.

Đời sống kinh tế của người Khơ-me hiện nay mặc dù đã được cải thiện hơn trước, song vẫn còn rất khó khăn, trong khi tiền tu bổ, xây dựng mới các ngôi chùa lại rất nhiều, có khi lên tới hàng chục tỷ đồng. Một thành viên Ban Achar chùa Tà Ngáo cho biết, vào những năm 90 thế kỷ XX, vị sư cả của chùa đã làm đơn xin chính quyền địa phương cấp kinh phí để sửa chữa, tu bổ bởi chùa nằm sát biên giới nên đã bị quân Khơ-me Đỏ tàn phá nặng nề. Nhưng do nguồn kinh phí của địa phương còn eo hẹp, lại phải cấp cho nhiều ngôi chùa khác, nên chùa cũng chỉ nhận được kinh phí hỗ trợ 50 triệu đồng (PV một achar chùa Tà Ngáo, tháng 10/2018). Do đó, việc sửa chữa, xây mới chùa chủ yếu do nguồn tiền làm phước của các phật tử trong và ngoài phum/sóc đóng góp vào các dịp lễ lớn như *Sen Dolta, Kathina,...*

Có hai nguồn công đức chính: (i) Từ các chùa và phật tử ở trong nước; (ii) Từ các chùa và phật tử ở Campuchia. Trong đó, nguồn công đức của các chùa, phật tử ở Campuchia được mong đợi nhất bởi theo một số nhà sư ở đây, các chùa bên Campuchia có dồi dào nguồn kinh phí vì đông số lượng các phật tử và họ cũng thường xuyên sang Việt Nam. Đồng thời, đa số các phật tử ở Campuchia cũng là họ hàng thân thuộc với bà con trong các phum/sóc ở phía Việt Nam, do hoàn cảnh trước đây loạn lạc, bị bắt ép phải ly tán sang Campuchia định cư dưới thời Khơ-me Đỏ tấn công vào lãnh thổ nước ta từ sau năm 1975 đến năm 1978. Theo đó, tổ tiên, ông bà, cha mẹ, người thân của họ vẫn ở Việt Nam, dẫn tới số lượng tiền và hiện vật do các phật tử Khơ-me Campuchia đóng góp hỗ trợ rất đáng kể cho việc xây dựng, nâng cấp chùa tại Việt Nam. Một achar chùa Tà Ngáo cho biết: "*Chùa ở bên Campuchia khác chùa Việt Nam là rất đông phật tử, ngược lại, những chùa ở biên giới Việt Nam lại ít phật tử bởi người trẻ đã đi lên thành phố làm ăn, ở nhà chỉ còn người già và trẻ em. Sư cả và phật tử một số chùa bên Campuchia cũng ủng hộ tiền cho các chùa Việt Nam vì mối quan hệ thân thiết và ông bà, cha mẹ của họ vẫn còn để ở chùa bên này*" (PV achar ở chùa Tà Ngáo, tháng 10/2018).

Tháng *Kathina* - theo cách gọi của người Khơ-me là tháng đi làm phước chính trong năm của các chùa và phật tử. Để có thời gian tham gia ở nhiều chùa, mỗi chùa chỉ tổ chức lễ hội trong vòng hai ngày, rồi luân chuyển lễ sang chùa khác. Tránh trùng ngày tổ chức, các chùa phải xin phép các vị Hòa thượng để ấn định ngày cụ thể cho mỗi chùa, sau đó đăng thông báo cho các cá nhân, gia đình, dòng họ, phật tử trong và ngoài địa bàn biết mà đến

chùa tham dự lễ và cúng dường cho chùa. Với các chùa Việt Nam và chùa Campuchia có mối quan hệ thân thiết, đại diện các chùa sẽ gửi giấy mời tham dự.

Ngày đầu tiên của Lễ *Kathina*, các vị sư đọc kinh cầu nguyện để phum/sóc an lành, cầu phúc cho mọi người dân gặp nhiều may mắn. Ngày thứ hai, các Phật tử tổ chức một đám rước quanh phum/sóc và xung quanh chánh điện của chùa để minh chứng cho lòng thành trước khi làm lễ Dâng y cà sa lên các sư sãi. Việc làm Lễ *Kathina* ở chùa do cá nhân, gia đình hoặc dòng họ đã đăng ký tổ chức (còn gọi là *He*). *He* có nghĩa là đăng cai tổ chức một cuộc làm phước lớn gồm có đám rước, đóng góp kinh phí xây dựng chùa, dâng các vật phẩm cho chùa, trong đó áo cà sa dâng lên các sư là vật phẩm không thể thiếu. Đây là vinh dự của những người được đăng cai, thể hiện tấm lòng thành kính với Phật giáo, mong muốn có được phước lớn. Vì thế, cá nhân, gia đình có điều kiện kinh tế đều muốn tham gia. Những gia đình có kinh tế khá giả còn tổ chức ăn uống tại nhà trước khi bước vào ngày lễ hội chính và mời bà con đến ăn.

Chủ đăng cai *Kathina* có thể một hoặc vài gia đình cùng dòng họ, khi không có hộ gia đình đứng ra thì tất cả bà con phum/sóc sẽ cùng nhau tổ chức. Nếu nhiều người muốn đăng cai, sư cả và Ban quản trị chùa sẽ cùng các gia đình bàn bạc, quyết định xem các chủ nhân sẽ tổ chức chung hay riêng. Thực tế có hai hướng: (i) Nếu số tiền *He* của mỗi gia đình không lớn, họ sẽ cùng nhau đăng cai tổ chức trong năm đó; (ii) Ngược lại, số tiền *He* của mỗi gia đình lớn và có nguyện vọng muốn tổ chức riêng thì sư cả và Ban Achar sẽ quyết định ai là chủ *He* năm nay, các chủ *He* khác sẽ phải đợi đến dịp *Kathina* của các năm tiếp theo. Vì muốn được đăng cai tổ chức riêng nên có chủ *He* phải đợi 2 - 3 năm hoặc lâu hơn mới tới lượt. Theo một achar chùa Thốt Nốt, thông thường một gia đình đăng cai tổ chức *He* riêng cho chùa, số tiền khoảng 50 đến hàng trăm triệu đồng; nếu cùng tổ chức, mỗi gia đình khoảng vài chục triệu đồng. Đặc biệt, có nhiều chủ *He* hiện tại không phải người trong phum/sóc nhưng trước kia đã từng sinh sống và là sãi ở ngôi chùa khi còn nhỏ. Chẳng hạn, năm 2017, chùa Thốt Nốt (huyện Tịnh Biên) có Phật tử ở huyện Tri Tôn đăng ký *He* tại chùa này bởi khi còn nhỏ ông đã sống ở phum/sóc và là sãi của chùa đó. Khi trưởng thành, ông hoàn tục, lập gia đình, có kinh tế khá giả nên nhớ đến chùa và đăng ký *He* tại đây. Trường hợp khác là một nam giới, trước đây sinh sống và học tập tại địa phương, nhưng do điều kiện công tác nên đã chuyển sang Campuchia sinh sống, sau đó trở thành vị tướng quân y của Campuchia. Các dịp lễ hội của Phật giáo Nam tông ông vẫn trở về Việt Nam đến chùa cúng lễ và làm phước cho chùa (PV sư cả chùa Thốt Nốt và một số Phật tử, tháng 10/2018).

Sau khi làm xong lễ *Kathina*, nhà chùa và Phật tử tiếp tục đi cúng, làm phước ở các chùa khác, vào dịp này dòng người di chuyển giữa các chùa ở Việt Nam và Campuchia trở nên sôi động, nhất là hệ thống các chùa thuộc vùng biên giới. Qua khảo sát tại một số chùa ở huyện Tịnh Biên cho thấy, khi nhận được lời mời từ một số chùa bên Campuchia, sư cả và Ban quản trị chùa thường có kế hoạch cử đoàn đại diện gồm sư cả, một số nhà sư và các Phật tử khoảng 5 - 30 người, đem theo tiền, vật phẩm để đi làm phước; nếu sư cả không đi được,

sẽ cử người đại diện thay thế. Thông qua lễ hội, các nhà sư hai nước đến thăm chùa của nhau, cùng thực hành các nghi lễ tôn giáo, trao tặng cho nhau những món quà chứa đầy tình cảm. Các gia đình, Phật tử đều dành thời gian đến thăm chùa, tri ân các nhà sư, gặp gỡ các Phật tử khác. Như vậy, chùa không chỉ là không gian thiêng mà còn là nơi gắn kết các nhà sư, giữa chùa với các cộng đồng dân cư, giữa các Phật tử trong và ngoài nước. Trong dịp lễ *Kathina*, chùa Thốt Nốt mời 11 chùa ở xã An Cư, 4 chùa ở xã Vĩnh Trung, 3 chùa ở xã Văn Giáo, một số chùa ở Campuchia. Ngược lại, các nhà sư, Phật tử của chùa cũng tham dự lễ hội ở nhiều chùa tại Kiên Giang, Trà Vinh, Sóc Trăng (Việt Nam) và Takeo, Kandal (Campuchia). Chẳng hạn, chùa Tà Ngáo mời một số chùa cùng xã An Phú, các chùa tại huyện Tri Tôn, nhiều chùa ở các tỉnh Cà Mau, Trà Vinh, Kiên Giang, và Campuchia (PV một số Achar, Phật tử ở hai chùa Thốt Nốt và Tà Ngáo, tháng 10/2018).

1.3. Thực trạng đi tu học ở nước ngoài của sư sãi Phật giáo Nam tông Khơ-me

Theo Ban Tôn giáo Chính phủ, các năm 2007 - 2017 ở Tây Nam Bộ có 630 sư sãi Khơ-me du học nước ngoài, nhiều nhất là sang Campuchia học với 317 vị (Bùi Hữu Dược, 2019b, tr. 243). Song, đây chỉ là thống kê chính thức của Nhà nước. Thực tế còn nhiều chư tăng đi du học theo con đường phi chính thức. Cơ quan chức năng tỉnh An Giang cho biết, năm 2018 toàn tỉnh có 230 trường hợp theo học tại các trường Phật học trong và ngoài nước, trong đó 63 trường hợp tăng sinh du học ở nước ngoài (Thái Lan 22 vị, Campuchia 34, Myanmar 07). Tình hình du học nước ngoài đang có xu hướng tăng dần qua các năm. Chỉ tính riêng năm 2018 đã có 18 trường hợp du học nước ngoài (Thái Lan 09 vị, Campuchia 05, Myanmar 04). Song, điều cần quan tâm là trong các trường hợp du học nước ngoài (63 trường hợp), chỉ 02 trường hợp đi học hợp pháp, tức là có xin phép và được sự đồng ý của các cơ quan chức năng, số còn lại đều du học không xin phép chính quyền. Số tăng sinh đi tu học ở nước ngoài chủ yếu đã tốt nghiệp các trường trung cấp hoặc sơ cấp Phật học ở trong nước (Ban Tôn giáo tỉnh An Giang, 2018). Nghiên cứu tại huyện Tịnh Biên cho thấy, hầu hết các chư tăng Phật giáo Nam tông đều tự ý ra nước ngoài tu học. Chẳng hạn năm 2018, huyện này có 09 vị đi tu học ở nước ngoài (Thái Lan 06; Campuchia 3), nhưng chỉ 01 vị du học tại Thái Lan thực hiện đúng các thủ tục xin phép theo quy định của Nhà nước. Bộ phận tăng sinh tự ý đi du học không chỉ gây khó khăn cho chính quyền sở tại mà còn đặt ra những vấn đề bất lợi cho Giáo Hội Phật giáo Việt Nam, công tác quản lý của Nhà nước đối với tôn giáo, nhất là bộ phận sư sãi tự ý sang Campuchia theo học và chịu sự tấn phong của vua sãi Campuchia (UBND huyện Tịnh Biên, 2018).

2. Vấn đề đặt ra cho quản lý nhà nước về hoạt động của Phật giáo Nam tông Khơ-me

2.1. Một số kết quả từ nghiên cứu hoạt động tôn giáo xuyên biên giới của người Khơ-me

Trước hết, cần nhìn nhận quan hệ giữa Phật giáo Nam tông Khơ-me Việt Nam với Phật giáo Nam tông Khơ-me Campuchia không chỉ thuần túy về tôn giáo mà còn về lịch sử, dân tộc. Tôn giáo, dân tộc, thân tộc được ví như “kiềng ba chân” trong mối quan hệ phi

chính thức của cư dân Khơ-me hai nước. Theo đó, hoạt động tôn giáo liên xuyên biên giới nằm trong chuỗi các hoạt động chung, bao gồm kinh tế, văn hóa, xã hội, diễn ra từ lâu trong lịch sử và được tiếp tục đến ngày nay. Đặc biệt, hoạt động tôn giáo được khôi phục và phát triển mạnh từ năm 1990 tới nay.

Do nằm tại biên giới với Campuchia nên các chùa ở Tịnh Biên luôn đông đúc các phật tử Khơ-me Campuchia sang cúng lễ, làm từ thiện vào các dịp lễ, nhất là Lễ *Sen Dolta* và *Kathina*. Vùng trung tâm hoạt động sôi nổi nhất là các chùa ở hai huyện Tịnh Biên, Tri Tôn (tỉnh An Giang, Việt Nam) và một số chùa ở các huyện Kiri Vong, Kaoh Andaet (tỉnh Takeo), Koh Thum, Leuk Daek... (tỉnh Kandal) của Campuchia. Dịp lễ hội, mỗi chùa trở thành mắt xích kết nối, quy tụ các phật tử Khơ-me Việt Nam và Campuchia, hình thành mạng lưới xã hội rộng lớn kết nối các phật tử Khơ-me hai nước.

Việc tổ chức *Kathina* dưới dạng xoay vòng trong hệ thống các chùa đã tạo ra những dòng người dịch chuyển lớn, khắp các tỉnh Tây Nam Bộ và giữa biên giới Việt Nam - Campuchia. Dòng người được chia làm hai nhánh chính: (1) Phật tử đến với chùa; (2) Giữa các chùa với nhau. Dòng di chuyển phật tử đến với chùa chủ yếu là các thành viên trong phum/sóc, gia đình, họ hàng của người Khơ-me ở hai nước Việt Nam, Campuchia với các chùa nơi họ đang sinh sống và với các chùa có mối quan hệ thân thiết. Còn dòng di chuyển giữa các chùa gồm đoàn đại diện của các chùa đến thăm viếng nhau dựa trên các mối quan hệ đã có từ trước của sư cả và Ban Achar, được gìn giữ qua thời gian và ngày càng mở rộng ra với các chùa khác. Các hoạt động tôn giáo vào mỗi dịp lễ hội không chỉ đáp ứng nhu cầu tâm linh, mà còn là nhân tố kết nối phật tử, gia đình, cộng đồng phum/sóc với nhà chùa và giữa các chùa. Thông qua lễ hội, người dân có cơ hội trao đi những tình cảm, lòng biết ơn đối với tổ tiên và nhà chùa. Những hiện vật, tiền từ thiện mà phật tử dâng lên các chùa đều thể hiện lòng mộ đạo, tình cảm cá nhân với mong ước nhận lại phước lớn. Đối với các chùa, sự đóng góp của phật tử đã giúp họ tu hành viên mãn, có thêm kinh phí để sửa sang, xây mới chùa. Hơn nữa, lễ hội còn là dịp để các chùa có điều kiện đến thăm hỏi, giúp đỡ lẫn nhau, cùng thực hành nghi lễ tôn giáo. Như vậy, những hoạt động văn hóa, tôn giáo truyền thống của đồng bào Khơ-me bên cạnh ý nghĩa tâm linh còn mang ý nghĩa nhân văn sâu sắc, thể hiện lòng biết ơn đối với các bậc tiền nhân và nhà chùa. Hơn nữa, hoạt động tôn giáo xuyên biên giới cũng giúp các gia đình, dòng họ của người Khơ-me cư trú ở hai nước được đoàn tụ, sum họp.

Có thể thấy, việc sinh hoạt văn hóa, tôn giáo gắn với từ thiện ở các chùa là hoạt động lâu đời và lành mạnh của Phật giáo Nam tông Khơ-me để các chùa san sẻ cho nhau những khó khăn về kinh tế. Do đó, quản lý nhà nước cần nhìn nhận hoạt động tôn giáo của cư dân hai nước là tất yếu, do lịch sử để lại. Đến nay, Nhà nước luôn tạo điều kiện để người dân tham gia các hoạt động tôn giáo, nhằm đảm bảo quyền tự do tín ngưỡng và vun đắp cho mối quan hệ ngoại giao giữa hai nước. Chẳng hạn, với sự quan tâm của Đảng và Nhà nước, xã An Phú huyện Tịnh Biên (Việt Nam) và xã Cầm Nóp huyện Kiri Vông (Campuchia) được kết nghĩa với nhau, dẫn đến mối quan hệ giữa người Khơ-me ở hai bên biên giới Việt Nam -

Campuchia không chỉ ở lĩnh vực kinh tế mà còn gia tăng các hoạt động tôn giáo. Bên cạnh cơ quan chức năng ở đây mỗi tháng họp cụm biên giới một lần và thay phiên luân chuyển qua hai nước, khi có lễ lớn, chùa bên Việt Nam tổ chức, bà con xã Chăm Nộp cũng sang Việt Nam, ngược lại bà con ở Việt Nam cũng thường xuyên sang các chùa của Campuchia. Đặc biệt, mỗi lần tổ chức lễ hội, bà con Khơ-me Việt Nam đều báo cáo Biên phòng và mỗi khi đi sang Campuchia, các đồn biên phòng cửa khẩu luôn tạo điều kiện cho bà con qua lại. Tuy nhiên, do các chùa Phật giáo Nam tông ở hai tỉnh An Giang của Việt Nam và Takeo của Campuchia đều nằm trong hệ thống các chùa liên biên giới, tổ chức lễ hội theo dạng xoay vòng, nên đã tạo ra những mạng lưới kết nối các phật tử của hai nước, vượt qua biên giới quốc gia, vì thế công tác quản lý hoạt động tôn giáo hiện nay cũng đặt ra một số vấn đề nhất định.

2.2. Vấn đề đặt ra cho quản lý nhà nước về hoạt động tôn giáo xuyên biên giới của người Khơ-me ở Tây Nam Bộ

- Một là, khó khăn trong quản lý số lượng người qua lại biên giới hai nước. Phật tử tại chỗ của các chùa là bà con Khơ-me trong mỗi phum/sóc tuy có vài trăm hộ, song mỗi khi chùa tổ chức lễ hội, nhất là Lễ *Kathina*, phật tử của các chùa ở trong và ngoài nước đã kết nối, di chuyển khắp các tỉnh Tây Nam Bộ và Campuchia. Vì thế, số lượng phật tử của mỗi chùa có thể lên tới hàng nghìn người vào ngày lễ hội chùa. Trong khi, đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước về tôn giáo ở địa phương lại không nhiều, gây ra không ít khó khăn trong vấn đề quản lý, giữ gìn an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội. Chẳng hạn, khi các phật tử người Khơ-me Campuchia sang các chùa Việt Nam tuy thông qua con đường chính ngạch vào mỗi dịp lễ hội, nhưng khi họ đã được phép vào nội địa nước ta thì lại không có cơ chế quản lý nên gặp những khó khăn nhất định.

Về quản lý hoạt động tôn giáo, việc các nhà sư, phật tử Việt Nam và Campuchia khi tham gia lễ hội bằng đường thủy qua kênh Vĩnh Tế lại không xin phép chính quyền xã, ấp và biên phòng là một khó khăn lớn. Ngoài ra, hoạt động tôn giáo của một số vị sư cả và các achar khi sang Campuchia cũng đặt ra vấn đề cần quan tâm bởi họ có mối quan hệ riêng với các chùa bên Campuchia và đi sang đó làm phước bằng đường tiểu ngạch. Trường hợp có vị nào đó nhẹ dạ, cả tin, tiếp thu các tư tưởng cực đoan từ các tổ chức phản động ở Campuchia, sau đó trở về Việt Nam thì rất nguy hiểm bởi họ là người có uy tín với cộng đồng phum/sóc, được bà con nhất mực nghe theo.

- Hai là, khó khăn trong quản lý các hoạt động từ thiện, bởi vì ngôi chùa nào cũng có nhiều mối quan hệ riêng. Hoạt động từ thiện tôn giáo giữa các chùa có truyền thống lâu đời, thể hiện sự giao lưu, trợ giúp nhau giữa các chùa. Qua hoạt động này, các chùa nghèo thường mong đợi sự giúp đỡ từ các chùa, phật tử có kinh tế khá hơn để tu bổ, sửa chữa. Nhà nước ta tuy đã giúp các chùa rất nhiều như xây dựng lò hỏa táng (khoảng 600 triệu đồng/chùa), hỗ trợ tiền sửa chữa chùa; thực hiện nhiều chính sách, chương trình phát triển

kinh tế - xã hội đặc biệt ưu tiên cho người Khơ-me..., nhưng nhu cầu để xây dựng của các chùa là rất lớn. Đối với dân tộc Khơ-me, chùa có vai trò rất quan trọng nên bà con đã dành nhiều công sức, kinh phí để xây chùa. Một ngôi chùa đẹp, kinh phí xây dựng có thể hàng chục tỉ đồng và mất nhiều năm để xây dựng.

- *Ba là*, khó khăn trong việc quản lý sư sãi đi học ở Campuchia và các nước láng giềng. Đến nay, một số sư sãi sang Campuchia trái phép để thăm thân, đi học, tổ chức đi làm phước, quan hệ với Hội sư sãi Khơ-me Campuchia Krôm để quyên góp, xin tài trợ tiền, vật chất, tặng Tam Tạng kinh... cho các chùa Phật giáo Nam tông Khơ-me ở hai huyện Tri Tôn và Tịnh Biên, đã tác động trực tiếp đến tư tưởng hướng ngoại của một số chức sắc, tu sĩ người Khơ-me ở An Giang, có trường hợp bị kích động dẫn đến có hành vi chống đối, manh động... (UBND tỉnh An Giang, 2018). Trong bối cảnh hiện nay, để quản lý hoạt động tôn giáo nói chung, làm từ thiện và du học về tôn giáo nói riêng, biện pháp tình cảm, xây dựng lòng tin vẫn được ưu tiên so với các biện pháp hành chính. Trong đó, việc gần dân, thân dân, tạo mối quan hệ thân thiện, tin cậy đang được chính quyền huyện, xã ở vùng biên giới Tây Nam Bộ quan tâm phát huy.

Kết luận

Hoạt động tôn giáo xuyên biên giới của người Khơ-me hai nước Việt Nam và Campuchia không diễn ra theo một đường thẳng đơn tuyến, riêng lẻ giữa Phật tử và nhà chùa mà theo đường vòng tròn, luân phiên nhau giữa các chùa nằm ở biên giới hai nước. Trên cơ sở đó, hoạt động tôn giáo giữa các chùa đã tạo ra vai trò quan trọng kết nối các mối quan hệ đồng tộc, thân tộc, đồng tôn giáo, đồng văn hóa của người Khơ-me ở hai nước. Nhờ vậy, các giá trị tình cảm gia đình, họ hàng, phum/sóc và các giá trị văn hóa Phật giáo Nam tông được bảo tồn qua thời gian. Nhà nước Việt Nam và chính quyền tại các địa phương có chùa sát biên giới đã tạo mọi điều kiện thuận lợi để bà con Phật tử hai nước được qua lại đường biên trong những ngày lễ lớn của dân tộc Khơ-me, thể hiện mối quan hệ tốt đẹp giữa hai nước Việt Nam và Campuchia. Song, trong thời gian tới, Nhà nước và chính quyền các địa phương vùng biên giới cần nâng cao hơn nguồn lực quản lý nhà nước nói chung, đối với hoạt động tôn giáo nói riêng nhằm thực hiện tốt quyền tự do tín ngưỡng của người dân và đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

Tài liệu tham khảo

1. Hà Ngọc Anh (2020), *Quản lý nhà nước đối với hoạt động tôn giáo ở Việt Nam hiện nay*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
2. Ban Tôn giáo tỉnh An Giang (2018), *Báo cáo quản lý nhà nước về tôn giáo đối với Phật giáo Nam tông Khmer, Hồi giáo (Islam), Phật giáo Hòa Hảo*, Báo cáo tổng hợp tư liệu phục vụ đoàn công tác Viện Dân tộc học tháng 10 năm 2018.

3. Phan Xuân Biên (1995), *Luận cứ khoa học cho việc xác định chính sách đối với cộng đồng người Khmer và người Hoa ở Việt Nam*, Báo cáo tổng hợp kết quả đề tài nghiên cứu khoa học cấp Nhà nước KX.04.12 (1995).

4. Nguyễn Thị Thanh Dung (2018), “Vai trò của Phật giáo Nam tông trong quản lý xung đột xã hội ở các tỉnh Tây Nam Bộ”, *Tạp chí Lý luận chính trị*, Số 8/2018, trên trang <http://lyluanchinhtri.vn/home/index.php/thuc-tien/item/2730-vai-tro-cua-phat-giao-nam-tong-trong-quan-ly-xung-dot-xa-hoi-o-cac-tinh-tay-nam-bo.html> (truy cập ngày 1/9/ 2021).

5. Bùi Hữu Dược (2019a), *Quan hệ giữa Việt Nam với Lào và Campuchia thông qua Phật giáo*, trên trang <https://phatgiao.org.vn/quan-he-giua-viet-nam-voi-lao-va-campuchia-thong-qua-phat-giao-d38488.html> (truy cập ngày 22/8/2021).

6. Bùi Hữu Dược (2019b), “Đào tạo tăng tài Phật giáo Nam tông Khmer - Những vấn đề cần quan tâm”, trong: *Tài liệu Hội thảo Khoa học Đào tạo tăng tài và nguồn nhân lực của đồng bào dân tộc Khmer Nam Bộ tại Học viện Phật giáo Nam tông Khmer: Nhiệm vụ và giải pháp*, tháng 12/2019 (Bản đánh máy), tr. 242-247.

7. Nguyễn Tất Đạt (2015), “Phật giáo Nam tông và sự hình thành di sản văn hóa của cư dân Khmer vùng đồng bằng sông Mê Kông ở Việt Nam”, trong Viện nghiên cứu Phật học Việt Nam và Trường Đại học KHXH&NV TP. Hồ Chí Minh (2015): *Phật giáo Mê Kông: Di sản và văn hóa*, Nxb. Đại học quốc gia TP. Hồ Chí Minh.

8. Mạc Đường (Chủ biên, 1991), *Vấn đề dân tộc ở đồng bằng sông Cửu Long*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

9. Lê Đức Hạnh (2015), “Phật giáo Nam tông Khmer: Đóng góp vì sự thăng tiến xã hội”, trong Viện nghiên cứu Phật học Việt Nam và Trường Đại học KHXH&NV TP. Hồ Chí Minh: *Phật giáo Mê Kông: Di sản và văn hóa*, Nxb. Đại học quốc gia TP. Hồ Chí Minh.

10. Ngô Văn Lê, Nguyễn Văn Tiệp (2003), *Thực trạng kinh tế - xã hội và những giải pháp xóa đói giảm nghèo ở người Khmer Sóc Trăng*, Nxb. Đại học quốc gia TP. Hồ Chí Minh.

11. Đinh Viết Lực (2015), “Tìm hiểu giá trị di sản chùa tháp trong đời sống văn hóa của đồng bào Khmer Nam Bộ”, trong Viện nghiên cứu Phật học Việt Nam và Trường Đại học KHXH&NV TP. Hồ Chí Minh: *Phật giáo Mê Kông: Di sản và văn hóa*, Nxb. Đại học quốc gia TP. Hồ Chí Minh.

12. Thích Thiện Nhơn (2015), “Phật giáo tiểu vùng Mê Kông: Du nhập, phát triển và hội nhập”, trong Viện nghiên cứu Phật học Việt Nam và Trường Đại học KHXH&NV TP. Hồ Chí Minh: *Phật giáo Vùng Mê Kông: Lịch sử và hội nhập*, Nxb. Đại học quốc gia TP. Hồ Chí Minh.

13. Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện Tịnh Biên (2018), *Báo cáo Tổng hợp lao động và làm việc trong và ngoài tỉnh các xã, thị trấn đến tháng 10 năm 2018* (Báo cáo tổng hợp tư liệu phục vụ đoàn công tác Viện Dân tộc học).

14. Phan Thuận (2014), “Vai trò của Phật giáo Nam tông Khmer đối với sự ổn định và phát triển xã hội ở đồng bằng sông Cửu Long hiện nay”, *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ*, Phần C: Khoa học Xã hội, Nhân văn và Giáo dục, tr. 56-62.

15. Thích Nhật Từ (2015), “Phật giáo vùng Mê Kông: Lịch sử và phát triển”, trong Viện nghiên cứu Phật học Việt Nam và Trường Đại học KHXH&NV TP. Hồ Chí Minh: *Phật giáo Mê Kông: Di sản và văn hóa*, Nxb. Đại học quốc gia TP. Hồ Chí Minh.

16. Phan Anh Tú (2017), “Phật giáo Nam tông Việt Nam trong mối quan hệ văn hóa với Phật giáo Thái Lan”, trong Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc tế Việt Nam Thái Lan: *Xây dựng quan hệ đối tác chiến lược vững chắc thời kỳ hội nhập quốc tế và liên kết khu vực*, trên trang <http://phatgiaionamtongkhmer.org/phat-giao-nam-tong-viet-nam-trong-moi-quan-he-van-hoa-voi-phat-giao-thai-lan-a-375.aspx> (Truy cập ngày 30/7/2021).

17. Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang (2018), *Báo cáo rà soát các chính sách phát triển kinh tế - xã hội cho vùng đồng bào dân tộc Khmer; chính sách đào tạo, bồi dưỡng cán bộ dân tộc Khmer vùng đồng bằng sông Cửu Long*, Số 481/BC-UBND ngày 07 tháng 08 năm 2018.

18. Ủy ban nhân dân huyện Tịnh Biên (2018), *Báo cáo tình hình công tác quản lý nhà nước về công tác tôn giáo nói chung, Phật giáo Nam tông Khmer nói riêng*, Báo cáo tư liệu phục vụ đoàn công tác Viện Dân tộc học.



Lễ Sen Dolta của người Khơ-me tại chùa Tà Ngáo, ấp Phú Tâm, xã An Phú, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang

Ảnh: Trần Thị Hồng Yến, chụp năm 2018